

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 31/5/2021.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lại Thiện Phong

Bà Nguyễn Thị Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lê Huyền Mao- Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 99/2021/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST – HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà **Đặng Thị D**, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

2. ***Bị đơn:*** Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996, bà D và ông H có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, bà D và ông H đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà D yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn H.

Về quan hệ con chung: Bà D xác định giữa bà và ông H có với nhau 02 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nhi, sinh năm 2000 và Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004. Hiện nay cháu Nhi đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu gì; đối với cháu Ngọc hiện đang sống với bà D nên bà D yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà D không yêu cầu gì khác.

*** Bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1996, ông H và bà D có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện không ai ép buộc nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc với nhau sau đó xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng ông bà bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi nhau, ông H và bà D đã ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay. Nay bà D yêu cầu xin ly hôn với ông H thì ông H đồng ý.

Về quan hệ con chung: Ông H xác định giữa ông và bà D có với nhau 02 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nhi, sinh năm 2000 và Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004. Hiện nay cháu Nhi đã trưởng thành nên ông H không yêu cầu gì; đối với cháu Ngọc hiện đang sống với bà D nên ông H đồng ý cho bà D nuôi con và ông H xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Ông H không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra, ông H không yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004 cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn H nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Phạm Văn H có nơi đăng ký thường trú tại ấp T, thị trấn N, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn, bị đơn tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị D yêu cầu xin ly hôn với ông Phạm Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà D thừa nhận vào năm 1996 có tổ chức đám cưới với ông Phạm Văn H trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay ông, bà chưa có đăng ký kết hôn. Nay bà D xin ly hôn với ông H thì ông H cũng đồng ý. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống, bà D và ông H đều xác định giữa ông bà có 02 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nhi, sinh năm 2000 và Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004. Hiện tại cháu Nhi đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết và cháu Ngọc hiện đang sống chung với bà D. Khi ly hôn bà D yêu cầu nuôi con nhưng không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con, ông H cũng đồng ý với ý kiến của bà D. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Ngọc có nguyện vọng theo sống cùng mẹ là bà D. Do đó, tiếp tục giao cháu Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004 cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Bà D và ông H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị D phải chịu số tiền 300.000đ.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

2/ Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Thị Yến Ngọc, sinh ngày 09/5/2004 cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về quan hệ tài sản chung: Bà Đặng Thị D và ông Phạm Văn H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị D phải nộp 300.000 đồng. Do bà D đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005758, ngày 05/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Dân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đẹp